

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 6 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Chiếu**
2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị B**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (*Vắng mặt*)
2. *Bị đơn:* Anh **Trương Văn L**, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2019, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thanh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/8/2011. Chị và anh L đã ly thân từ năm 2012 đến nay do mâu thuẫn, anh L bỏ đi đến nay không có tin tức gì. Chị đã yêu cầu tuyên bố anh L mất tích và Tòa án đã giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 16/8/2019. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 người con chung là Lê Đăng Bình A, sinh ngày 04/8/2010, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy chị B và anh L có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa chị B và anh L là hợp pháp. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03 ngày 16/8/2019 tuyên bố anh L mất tích nên căn cứ theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị B được ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Cháu A có nguyện vọng được sống cùng chị B nên đề nghị tiếp tục giao cháu Lê Đăng Bình A, sinh ngày 04/8/2010 cho chị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản: Chị B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L, nơi cư trú cuối cùng của anh L là trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị B và anh L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh L tự nguyện sống chung từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh L là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị B và anh L đã ly thân từ năm 2012 do mâu thuẫn, anh L bỏ đi đến nay. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long đã

tuyên bố anh L mất tích và quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Theo khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do chị B cung cấp và lời khai của chị B thì chị B và anh L có một người con chung là Lê Đăng Bình A, sinh ngày 04/8/2010. Xét thấy, anh L hiện đang mất tích, cháu A hiện do chị B nuôi dưỡng và tại biên bản lấy ý kiến ngày 13/02/2020 cháu A có nguyện vọng muốn sống với chị B nên căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B: Giao cháu Lê Đăng Bình A, sinh ngày 04/8/2010 cho chị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị B được ly hôn với anh Trương Văn L.

2. Về con chung:

Giao cháu Lê Đăng Bình A, sinh ngày 04/8/2010 cho chị Đặng Thị B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trương Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Đặng Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Đặng Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị B đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004559 ngày 24/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Trương Văn L không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly